TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HÀ ĐÔNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 129/2019/QĐST - HNGĐ	*H Đ, ngày 08 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 195/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2019 giữa:

- **Nguyên đơn**: Anh Lê Tiến H, sinh năm 1975. Trú tại: số nhà 20, ngõ 4 khu Bà Triệu, phường N T, quận H Đ, thành phố Hà Nội.

- **Bị đơn**: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1975. Trú tại: số nhà 20, ngõ 4 khu Bà Triệu, phường N T, quận H Đ, thành phố Hà Nội.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**:

1. Bà Nguyễn Thị Huệ, sinh năm 1950. Trú tại: số nhà 20, ngõ 4 khu Bà Triệu, phường N T, quận H Đ, thành phố Hà Nội.

2. Bà Trần Thị Dịp, sinh năm 1945. Trú tại: thôn Phượng Viền, xã K Đ, huyện Ư H, thành phố Hà Nội

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 59, 60, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 6 năm 2019

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 6 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Lê Tiến H và chị Nguyễn Thị V.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Lê Hoàng Q (nam), sinh ngày 12/12/2005 và Lê Khánh L (nữ), sinh ngày 21/3/2010.

Giao anh Lê Tiến H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Hoàng Q (nam), sinh ngày 12/12/2005; giao chị Nguyễn Thị V trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Khánh L (nữ), sinh ngày 21/3/2010 kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc khi anh chị có thỏa thuận khác. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Lê Tiến H và chị Nguyễn Thị V có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật, không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung: Anh chị xác nhận không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Anh H, chị V xác nhận nợ bà Trần Thị D, sinh năm 1945 (mẹ đẻ chị V) số tiền là 50.000.000 đồng. Anh chị thỏa thuận khi ly hôn anh H có trách nhiệm thanh toán khoản tiền 50.000.000 đồng cho bà Trần Thị D.

Kể từ khi có đơn yêu cầu của người được thi hành án, người thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về án phí: Anh Lê Tiến H tự nguyện nộp cả 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và phải nộp 2.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh H đã nộp tại biên lai số 0007507 ngày 29/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H Đ, thành phố Hà Nội)

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *VKSND quận H Đ;*
- *THADS quận H Đ;*
- *Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Thẩm phán

Nguyễn Thị Thu Hòa